

# RÈN LUYỆN KĨ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ NHÂN TRẺ KHUYẾT TẬT CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG SỬ PHẠM NGÀNH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT BẬC MẦM NON TRONG THỰC HÀNH, THỰC TẬP SỬ PHẠM

○ ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN\*

Với một giáo viên (GV) dạy trẻ khuyết tật (TKT) bậc mầm non (MN) trình độ cao đẳng, kĩ năng (KN) làm việc trực tiếp với trẻ hay hỗ trợ, đáp ứng được những nhu cầu cá nhân của mỗi TKT, còn gọi là KN *phát triển chương trình giáo dục cá nhân* (GDCN), được xem là những đòi hỏi cần thiết, phải có ý thức và rèn luyện ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường. Đây là những vấn đề đặt ra mà các cơ sở đào tạo (ĐT) GVMN cần quan tâm, giải quyết và quán triệt thực hiện nhằm góp phần nâng cao chất lượng ĐT đồng thời đáp ứng được yêu cầu thực tế của xã hội.

1. Chương trình thực hành thực tập sử phạm ngành giáo dục đặc biệt (GDĐB) bậc MN và việc rèn luyện KN phát triển chương trình GDCN

Qua tìm hiểu chương trình thực hành của 3 cơ sở ĐT GV GDĐB bậc MN hiện nay (Trường CĐSPTW, Trường CĐSPTW Nha Trang và Trường CĐSPTW TP. Hồ Chí Minh), xin được khái quát sơ bộ ở bảng:

Bảng. Chương trình thực hành, thực tập sử phạm khoa GDĐB trường CĐSP

	CĐSPTW		CĐSPTW Nha Trang		CĐSPTW Hồ Chí Minh	
	Nội dung	Thời lượng	Nội dung	Thời lượng	Nội dung	Thời lượng
1. KT	Quan sát	2 tuần	Quan sát	1 tuần	Quan sát	1 tuần
2. THPT						
	SP MN	5 tuần			SP MN	5 tuần
			Kiểm thính	5 tuần	Kiểm thính	3 tuần
	SP Chuyên biệt	5 tuần	Kiểm thị	5 tuần	Kiểm thị	3 tuần
			CPTTT	5 tuần	CPTTT	3 tuần
3. TTTN	MN hòa nhập	10 tuần			MN chuyên biệt	10 tuần

Ghi chú: KT: Kiến tập; THPT: Thực hành thường xuyên; TTTN: Thực tập tốt nghiệp

Như vậy, cả 3 cơ sở này đều dành một thời lượng cho kiến tập sử phạm. Mục đích của đợt kiến tập này giúp SV có cái nhìn ban đầu về ngành học, sơ bộ biết đến đối tượng trẻ cũng như những công việc, môi trường mà mình sẽ làm việc trong tương lai.

Trong đợt kiến tập, có thể thực hiện rèn cho SV KN *tìm hiểu trẻ, phân tích nhu cầu cá nhân* (các KN

liên quan tới quan sát, tìm hiểu trẻ, phân tích, xác định được đặc điểm tâm lí cũng như những nhu cầu cá nhân). Trong quá trình ĐT, cả 3 trường đều xếp đợt kiến tập vào năm đầu, sau khi học xong các học phần kiến thức đại cương và cơ sở, đặc biệt là các học phần liên quan đến: *tâm lí trẻ em/tâm lí phát triển; GD MN, nhập môn/đại cương GDĐB...* đó sẽ là điều kiện thuận lợi về những kiến thức cơ sở - nền tảng cho việc học và rèn KN.

Trong đợt thực hành thường xuyên, mặc dù có sự khác biệt trong hướng tiếp cận (có trường theo hướng chuyên biệt, có trường theo hướng hòa nhập), song mục tiêu của các trường đều hướng cho SV: Hiểu biết về thực tiễn GD TKT nói riêng và trẻ em trong môi trường GD (chuyên biệt/hòa nhập); Có KN vận dụng lí luận và thực tiễn trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục (CS-GD) trẻ (chuyên biệt/hòa nhập); Biết quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ em nói chung và TKT nói

riêng; Có KN xây dựng kế hoạch công tác, KN phân tích, đánh giá các hoạt động CS-GD trẻ (chuyên biệt/hòa nhập); - Có KN giao tiếp với TKT và làm việc với gia đình trẻ; Biết thiết kế, điều chỉnh môi trường và khai thác sử dụng đồ dùng dạy học (chuyên biệt/hòa nhập); Có khả năng tổ chức các hoạt động CS-GD TKT (chuyên biệt/hòa nhập); - Rèn luyện phẩm chất và năng lực sử phạm của người GV GDĐB nhằm nâng cao năng lực quản lí, tổ chức nhóm lớp (chuyên biệt/hòa nhập); - Nâng cao ý thức trách nhiệm, bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp.

\* Trường Cao đẳng sử phạm trung ương

Thực hành thường xuyên là giai đoạn SV đã được trang bị các kiến thức nền tảng: GD MN; GD TKT (các dạng khuyết tật khác nhau); Các phương pháp tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ (MN và TKT MN); Các hình thức GD (chuyên biệt, hòa nhập); Tổ chức thực hiện chương trình CS-GD trẻ MN; Lập kế hoạch GD... Những kiến thức này nhằm hướng đến việc rèn luyện KN phát triển chương trình GDCN như: đánh giá khả năng, nhu cầu của trẻ; xác định nhu cầu có thể hỗ trợ trẻ; lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDCN; các KN thiết kế dạy học và tổ chức các hoạt động dạy TKT; đánh giá trẻ... Những KN này được xác định, rèn luyện cho SV trong việc thực hiện theo những nhiệm vụ cụ thể tại các cơ sở ĐT trên, như sau: 1) Tìm hiểu thực tiễn công tác tổ chức quản lí GD: quy mô nhà trường, các hoạt động CS-GD cho trẻ; 2) Tìm hiểu hệ thống sổ sách chuyên môn của nhóm, lớp thực tập (các loại kế hoạch GD); 3) Tìm hiểu đặc điểm tình hình lớp và trẻ trong lớp thực tập (chương trình GD; quan sát và đánh giá trẻ); 4) Lập kế hoạch GD cá nhân cho TKT (tìm hiểu trẻ; đánh giá xác định và đánh giá để xây dựng chương trình GDCN); 5) Lập và thực hiện kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp hàng tuần (quản lí lớp; tìm hiểu đặc điểm nhu cầu cá nhân trẻ, phối kết hợp với các cán bộ GV và cha mẹ trẻ để nắm bắt được nhu cầu hỗ trợ trẻ tốt nhất); 6) Kiến tập toàn diện chế độ sinh hoạt tại lớp thực hành (chăm sóc và GD); 7) Soạn giáo án/kế hoạch bài học và thực hành lên tiết tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ; 8) Thực hiện kế hoạch GD hàng ngày theo lịch sinh hoạt của lớp (2).

Trong đợt thực tập tốt nghiệp, các mục tiêu hướng đến cho SV gồm: SV làm việc như một GV chính thức (tham gia vào tất cả các hoạt động CS-GD của GV GDĐB trong trường chuyên biệt và GV hỗ trợ trong các lớp học hòa nhập); - Thiết kế và thực hiện chương trình can thiệp sớm cho trẻ theo từng loại tật tại trường chuyên biệt và lớp học hòa nhập; Rèn luyện và thể hiện KN giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng, đặc biệt với nhóm TKT trong GDĐB; Rèn luyện và thể hiện có hiệu quả các KN tổ chức và quản lí nhóm lớp, đặc biệt là KN học hợp tác, dạy học đa dạng (các nhóm TKT khác nhau trong một lớp); Rèn luyện KN đánh giá và điều chỉnh các hoạt động CS-GD cho TKT.

Như vậy, vẫn là những KN cần rèn luyện như phát hiện, đánh giá TKT; tìm hiểu trẻ; lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình/kế hoạch GDCN;

dạy học TKT... song đã thể hiện những yêu cầu về KN cao hơn, đặc biệt là các KN liên quan đến đánh giá, lập kế hoạch GDCN và kế hoạch GD nói chung (trong đó thể hiện việc điều chỉnh và dạy học đáp ứng sự đa dạng trong lớp hòa nhập).

2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng rèn luyện KN phát triển chương trình GDCN trong các đợt thực hành, thực tập sư phạm

Trong mỗi giai đoạn của quá trình thực hành, thực tập tại các cơ sở ĐT GV GDĐB MN hiện nay đều đã có những nội dung kiến thức và KN cần rèn luyện liên quan đến việc phát triển chương trình GDCN cho TKT, song thực tế, các nhiệm vụ cụ thể này lại chưa được xác định và đánh giá rõ ràng, mới chỉ dừng lại ở việc tập trung vào các hoạt động chăm sóc hay giảng dạy chung chung. Các KN chuyên biệt mà GV dạy TKT cần rèn luyện gồm: *Tìm hiểu, đánh giá trẻ* (đánh giá khả năng nhu cầu); *Xây dựng/thiết kế chương trình GD; KN tổ chức các hoạt động GD cho trẻ MN; Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động của trẻ và đánh giá chương trình GD*. Để có được các KN cơ bản này, các cơ sở cần tính đến:

1) *Xây dựng các mục tiêu, nội dung cụ thể hơn nữa; có yêu cầu về mức độ các KN đạt được từ thấp đến cao* trong các đợt thực hành, thực tập nhằm giúp SV xác định rõ được những KN cần trau dồi trong quá trình học tập cũng như tại các đợt thực hành, thực tập. Ví dụ, cùng với KN «*tìm hiểu và đánh giá trẻ*», ở giai đoạn kiến tập, yêu cầu KN SV cần đạt được là *quan sát để nhận biết các đặc điểm tâm sinh lí trẻ MN (các độ tuổi); nhận biết các đặc điểm/dấu hiệu của TKT...* Nhưng sang giai đoạn thực hành sư phạm, có thể yêu cầu cao hơn: thực hành đánh giá bằng các công cụ, kĩ thuật; xác định định lượng và định tính các nội dung tìm hiểu trẻ. Đến khi thực tập tốt nghiệp, yêu cầu SV phải biết vận dụng kết quả đánh giá như những công cụ, điều kiện hữu hiệu trong các hoạt động chăm sóc, GD (lập kế hoạch, dạy học...).

2) *Kế hoạch ĐT cần được biên chế theo logic hợp lí nhằm cung cấp cho SV những KN cần thiết, đảm bảo những đợt thực hành, thực tập là cơ hội để SV được trải nghiệm, thực hành những kiến thức đã được trang bị, gắn với nghề nghiệp của mình*. Cho dù hướng tiếp cận ĐT là chuyên biệt hay hòa nhập thì khung kiến thức mà SV cần được trang bị gồm: *Khối kiến thức và các KN sư phạm MN: + Đặc điểm và sự phát triển tâm sinh lí trẻ tuổi MN; + Cách thức tổ chức các hoạt*

động chăm sóc - GD trẻ MN (KN sư phạm MN);  
*Khối kiến thức và các KN sư phạm đặc biệt MN*: + Đặc điểm và sự phát triển tâm sinh lý một số dạng TKT tuổi MN; + Cách thức tổ chức các hoạt động chăm sóc - GD TKT MN (KN sư phạm đặc biệt MN).

Để các đợt thực hành có hiệu quả và tùy vào mục đích được xác định của mỗi đợt, các cơ sở ĐT cần biên chế các nội dung chương trình một cách tổng thể, theo logic nhóm nội dung các vấn đề để triển khai thực hiện cho khóa học được hiệu quả. Ví dụ, trong khung ĐT của một khóa học 3 năm, biên chế giảng dạy cho năm thứ nhất vẫn là những kiến thức cơ sở và chung của khối ngành (ngành học), nên xếp đợt kiến tập trong năm thứ nhất là hợp lý. Đến năm thứ hai, có thể chia theo các nội dung chương trình tập trung vào khối kiến thức sư phạm MN đơn thuần và sư phạm đặc biệt đơn thuần, sau đó thực hành sau mỗi khối kiến thức (3); hoặc vừa học song song khối kiến thức MN và đặc biệt theo cách mỗi dạng khuyết tật (4). Năm thứ 3, sẽ tập trung nhiều vào các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu; đợt thực tập cuối khóa là tổng hợp các kiến thức và các KN, tay nghề của một GV thực thụ, nên yêu cầu sẽ tổng thể hơn, KN đòi hỏi cao hơn.

3) *Lựa chọn cơ sở thực hành cần phải tính đến mục đích của từng đợt thực hành và sự phù hợp trong việc lựa chọn cơ sở thực hành* (nơi có TKT tuổi MN theo học). Theo kết quả nghiên cứu về thực trạng ĐT của các cơ sở ĐT GV GDDB MN (trình độ cao đẳng) (2), một trong những khó khăn cơ bản là các đợt thực hành, thực tập không lựa chọn được những cơ sở có trẻ phù hợp (dạng khuyết tật, tuổi, mô hình trường học...). Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của mỗi đợt thực hành cũng như chất lượng ĐT nói chung. Việc tạo cơ hội cho SV được trải nghiệm, thực hành trong các môi trường khác nhau (hòa nhập và chuyên biệt) với các dạng TKT khác nhau là điều cần thiết và lí tưởng, song, tùy theo cách tiếp cận hay mục tiêu chương trình ĐT (hay mục tiêu trong đợt thực hành) mà các cơ sở ĐT nên chọn trường thực hành phù hợp cho SV. Ví dụ, nếu hướng tiếp cận là chuyên biệt (SV ra trường làm trong các môi trường chuyên biệt) thì việc lựa chọn các cơ sở chuyên biệt có các dạng khuyết tật khác nhau để SV được thực hành, thực tập là tốt nhất, thậm chí là thực hành mô hình «GV hỗ trợ» trong trường hòa nhập. Ngược lại, nếu SV ngành GDDB chỉ thực hành về các KN sư phạm thì không nhất thiết phải thực tập tại những cơ sở MN có

TKT hoà nhập mà chỉ cần thực tập tại lớp MN bình thường. Vì vậy, xây dựng, mở rộng phát triển mạng lưới các cơ sở thực hành phù hợp với đặc điểm và quan điểm tiếp cận của cơ sở ĐT là một trong những giải pháp mang tính chiến lược.

4) *Chất lượng các đợt thực hành phụ thuộc vào đội ngũ GV hướng dẫn*. Để tránh tình trạng GV có KN dạy trẻ MN nhưng lại thiếu KN chuyên biệt hay KN hướng dẫn SV cũng như việc giảng viên có KN chuyên biệt nhưng lại thiếu KN đứng lớp, làm việc trực tiếp với trẻ... cần có sự phân công phân nhiệm, phối hợp trong phụ trách hướng dẫn và đánh giá SV giữa Khoa ĐT và trường thực tập. Sự chuyên trách trong giảng dạy và hướng dẫn thực hành thực tập cũng là một những giải pháp đem lại hiệu quả cao trong ĐT nghề cho SV.

5) *SV cần chủ động và tích cực hơn trong quá trình học tập cũng như thực hành, thực tập*; có thói quen hoạch định những nhiệm vụ học tập và nỗ lực thực hiện kế hoạch dưới sự giám sát, hỗ trợ và động viên của giảng viên, đặc biệt trong giai đoạn thực hành, thực tập. □

(1) Nguyễn Thị Thanh Huyền. “Thực trạng việc tổ chức phát triển chương trình giáo dục cá nhân cho sinh viên Cao đẳng sư phạm ngành Giáo dục đặc biệt bậc mầm non” (đề tài V2009 - Viện Khoa học giáo dục Việt Nam), H. 2010.

(2) Trường Cao đẳng sư phạm TW thực hiện theo hướng tiếp cận hoà nhập, song ngành.

(3) Trường Cao đẳng sư phạm TW Nha Trang và Cao đẳng sư phạm TW TP. Hồ Chí Minh thực hiện theo hướng tiếp cận chuyên biệt.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Như An. “Quy trình rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm”. Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, số 2/1991.

2. Trường Cao đẳng sư phạm TW. “Chương trình chi tiết đào tạo giáo viên ngành Giáo dục đặc biệt bậc mầm non trình độ cao đẳng”, H 2009.

3. Trường Cao đẳng sư phạm TW Nha Trang. “Chương trình chi tiết đào tạo giáo viên ngành Giáo dục đặc biệt bậc mầm non trình độ cao đẳng”, H 2007.

4. “Kế hoạch thực hành, thực tập sinh viên cao đẳng đặc biệt khóa 2007 - 2010” Trường Cao đẳng sư phạm TW, Cao đẳng sư phạm TW Nha Trang, Cao đẳng sư phạm TW Hồ Chí Minh.

5. Nguyễn Thị Thanh. “Quy trình tổ chức thực hành thực tập sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục đặc biệt hệ chính quy” (đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ, mã số B 2005-45-13), H 2005.